

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Minh; ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 729/2022/QĐST-DS ngày 24/6/2022 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 778/TB-TA ngày 05/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm 8, xã P, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H; sinh năm: 1997; địa chỉ: Xóm 1, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2022, bản tự khai ngày 15/4/2022 và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/5/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức H đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được

khoảng 02 tháng thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là vì quan điểm sống không phù hợp nhau, anh H thường xuyên đi chơi không về nhà, qua đêm ở ngoài để tụ tập uống rượu, đánh bài. Mặc dù chị T đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng nhưng anh H vẫn thường xuyên tụ tập bạn bè, bỏ bê gia đình vợ con nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Thậm chí anh H còn bỏ gia đình đi theo người phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 20/11/2018, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H qua bố mẹ đẻ của anh H. Chị T cung cấp số điện thoại của anh H là 0988862056, Tòa án đã liên lạc thông báo nhưng anh H vẫn không phối hợp, có mặt tại Tòa án để làm việc.

Tại biên bản làm việc với đại diện UBND xã H, huyện Hương Khê cung cấp thông tin: Anh Nguyễn Đức H đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ cư trú tại xóm 1, xã H, huyện Hương Khê; việc công dân Nguyễn Đức H rời địa phương đi làm ăn thì không thông báo với chính quyền địa phương, không cắt khẩu, tạm trú, tạm vắng tại địa phương.

Tại biên bản làm việc với ông Nguyễn Đức C và bà Kiều Thị H (Bố, mẹ đẻ của anh H) ông C và bà H cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức H tự nguyện đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Quá trình vợ chồng chị T, anh H chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, lý do là vì vợ chồng còn trẻ, chưa hiểu tính nhau. Gia đình cũng đã nhiều lần hòa giải, khuyên nhủ, động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, từ cuối năm 2019 cho đến nay anh H và chị T đã sống ly thân nhau, nay chị T xin ly hôn thì ông C và bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh H, về con chung thì đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Thị Khánh H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng đề nghị chị T thi thoảng đưa cháu về chơi với ông, bà. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản khác, gia đình đã thông báo cho anh H biết, anh H trả lời: Anh H không đồng ý ly hôn, chị T làm đơn xin ly hôn thì tự chị T ly hôn đơn phương; về con chung anh H không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Trích lục đăng ký kết hôn; bản sao giấy khai sinh của con; xác nhận thông tin về cư trú; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ mình; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không phối hợp thực hiện theo các thông báo đã tổng đạt của Tòa án; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai không rõ lý do, do đó đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, chị T và anh H trên cơ sở tự do tự nguyện tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm, đề nghị xử cho chị T được ly hôn với anh H; về con chung, đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên miễn xét; về tài sản, đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét; buộc chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đức H có địa chỉ cư trú tại xóm 1, xã H, huyện Hương Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh H không có mặt, sau đó chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh

Nguyễn Đức H nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của chị T, anh H theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Đô, huyện Hương Khê theo Giấy đăng ký kết hôn số 11/2018 ngày 28/3/2018, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị Thương và anh Hoàng do tính tình không hợp, nhiều lần mâu thuẫn, đã được gia đình khuyên nhủ đoàn tụ nhưng không có kết quả, từ cuối năm 2019 đến nay chị T và anh H sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng cho anh Hoàng nhưng anh Hoàng không đến Tòa án để giải quyết. HĐXX thấy rằng hôn nhân giữa anh H và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, đồng ý cho chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 20/11/2018. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo tốt nhất mọi mặt về vật chất và tinh thần cho con. Hiện tại chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh H đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình. Do đó, cần giao con chung tên là Nguyễn Thị Khánh H cho chị T tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, cũng như không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4

Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 20/11/2018, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, cũng như không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007808 ngày 08/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, Anh Nguyễn Đức H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng